

TIẾP CẬN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC CHO HỌC SINH KHIẾM THỊ

TS. PHẠM MINH MỤC

Trung tâm Nghiên cứu Giáo dục đặc biệt

Thị giác là nền tảng sống còn của việc học, tổ chức và tổng hợp các sự kiện tạo nên một thế giới cho trẻ sáng mắt” (Hatlen và Curry, 1987). Thị giác cho phép con người tổng hợp thông tin một cách nhanh chóng, ngẫu nhiên và ở một khoảng cách để tập hợp những thông tin này cùng với các giác quan khác có thể hiểu biết về thế giới. Học sinh (HS) khiếm thị (KT) bị hạn chế tiếp cận bằng thị giác với chương trình học tập và môi trường sống hàng ngày. Những hạn chế này chỉ có một cách khắc phục duy nhất thông qua con đường giáo dục.

Giáo viên (GV) dạy HS KT cần phải có kiến thức về lĩnh vực giáo dục KT cũng như những hiểu biết cơ bản về đặc điểm phát triển của HS. Không thể đòi hỏi GV có kiến thức đầy đủ về tật thị giác, tuy nhiên, bằng sự nỗ lực trong tư vấn và cộng tác với những người trong ngành, GV vẫn có thể giúp cho HS có khiếm khuyết về thị giác tiếp cận chương trình giáo dục một cách tốt nhất.

1. HS KT có nhiều nét tương đồng với HS sáng mắt hơn là khác biệt

HS KT là một thành viên của lớp học và phải được đối xử như các HS khác. GV cần phải làm gương trong việc đón nhận các HS KT. Trong giáo dục hòa nhập HS KT cần phải học các môn học và các nội quy của lớp học như mọi HS khác. Do khả năng quan sát và khả năng bắt chước người khác bị hạn chế nên HS KT có thể có cảm giác là không được xung quanh chấp nhận. Bằng cách giải thích tích cực, lời cuốn HS KT tham gia vào tất cả các hoạt động trong và ngoài lớp học, GV sẽ giảm thiểu được những khó khăn này cho HS KT.

HS KT có nhiều nét tương đồng với HS sáng mắt hơn là khác biệt. Với sự nỗ lực của bản thân và sự hỗ trợ của GV chắc chắn rằng HS KT có thể đạt được trình độ tương đương với các bạn trong lớp. Cũng như tất cả những HS khác, HS KT cũng phải học chấp nhận cả thất bại cũng như thành công.

Tất cả những vấn đề và khó khăn HS phải đối mặt không thể quy cho cho tật thị giác của mình.

Sự hòa nhập của HS sẽ đơn giản hơn khi GV chuẩn bị tốt. Mỗi HS KT có cách thức tiếp cận kiến thức môn học theo cách riêng của mình. Tuy nhiên, dựa trên kế hoạch giáo dục cá nhân, GV có thể đưa ra cách tiếp cận tốt nhất cho HS trong các tình huống khác nhau.

Những chuẩn bị chung cho một lớp học có HS KT:

Đảm bảo rằng HS KT có đầy đủ các dụng cụ học tập như các bạn cùng lớp. Trước khi thực hiện kế hoạch bài dạy, GV phải có thời gian chuẩn bị những tài liệu chữ nổi (cho HS mù), chữ in to (cho HS nhìn kém), các thiết bị âm thanh (đài, máy nghe...), và những dụng cụ học tập sử dụng xúc giác phù hợp.

Trên cơ sở những hiểu biết và kinh nghiệm làm việc với HS KT, GV sử dụng đồ vật thật trong môi trường tự nhiên giúp HS hình thành những biểu tượng, khái niệm, chức năng về thế giới xung quanh một cách chính xác và đầy đủ.

Tổ chức và hướng dẫn phương pháp sử dụng thiết bị đồ dùng học tập cũng là việc làm hết sức quan trọng của GV. GV cần phải đảm bảo rằng HS KT nắm được qui trình và đảm bảo an toàn khi sử dụng các thiết bị, đồ dùng học tập.

Sắp xếp vị trí và khoảng không gian trong lớp học cho HS KT: Không phải mọi HS KT đều cần nhiều ánh sáng hay cần ngồi gần bảng mà phụ thuộc vào đặc điểm bệnh lí của mắt. Ví dụ: HS bị bạch tạng mắt thì cần ngồi nơi có ánh sáng yếu và không trực tiếp chiếu vào mắt, HS với rối loạn thị lực dạng viễn thị lại cần ngồi xa... Tuy nhiên, mọi HS KT cần có vị trí mà tầm quan sát chung không bị hạn chế, GV dễ dàng đến gần để hỗ trợ cá biệt và khoảng không gian đủ rộng cho các thiết bị đặc biệt (sách chữ nổi, máy tính, thiết bị quang học...).

Dành thời gian thỏa đáng và tăng cường hợp tác trong hoạt động. Tiếp nhận và xử lý thông tin qua các giác quan khác luôn chậm và thiếu chính xác hơn thị giác. Vì vậy, luôn dành thêm thời gian cho HS KT khi tiếp cận một thông tin mới và đặc biệt khuyến khích HS khác hỗ trợ HS KT. Tuy nhiên, phải làm thế nào để HS KT không phải phụ thuộc và những người xung quanh cũng như tạo cơ hội cho HS KT có sự đóng góp lại cho sự phát triển chung của tập thể.

Nhận diện những nguy hiểm có thể xảy ra với HS KT. Trong lớp học có HS KT thì vấn đề an toàn luôn được quan tâm: bậc thang lên xuống, cửa sổ, cửa ra vào, các góc nhọn, cạnh cứng, ổ điện luôn được quan tâm. Một vấn đề cần được lưu ý là vị trí của các đồ vật trong không gian lớp học không nên thay đổi và nếu có sự thay đổi thì HS KT cần được thông báo trước.

Những điều chỉnh của GV trong lớp có HS KT

Đảm bảo rằng HS KT có các kĩ năng học đường tương đồng các bạn trong lớp. Do hạn chế khả năng quan sát nên HS không thể tự học hoặc bắt chước các bạn thực hiện các hoạt động nội qui cũng như chuẩn bị cho một bài học cụ thể, vì vậy, GV phải hướng dẫn cá nhân (khi cần thiết) cho HS KT những kĩ năng trên.

Dạy trước các kĩ năng tiên quyết: khi tiếp cận một khái niệm, một kĩ năng hành động mới, GV cần dạy trước cho HS KT những kĩ năng tiên quyết để tiếp cận kiến thức, kĩ năng mới. Ví dụ: Trước khi dạy HS KT vẽ một góc hoặc một hình nào đó cần hướng dẫn trước cho trẻ cách sử dụng thước, ê ke đo độ nổi...

Điều chỉnh phương pháp và cách hướng dẫn: GV cần lựa chọn từ ngữ khi hướng dẫn tìm hiểu kiến thức mới. GV phải đảm bảo rằng HS hiểu và đã có những kinh nghiệm về những vấn đề mà GV sử dụng để giải thích, hướng dẫn. Trong quá trình hướng dẫn, GV cần nhấn mạnh những đặc điểm then chốt và lược bớt hoặc bỏ qua những chi tiết quá phức tạp hoặc dễ gây nhầm lẫn, hiểu lầm. GV cần chú ý đến những đặc điểm mạnh trong tiếp nhận thông tin của HS là thính giác và vị giác. Trong quá trình hướng dẫn HS thực hiện các nhiệm vụ, GV không cần thiết phải thực hiện theo đúng quy trình đã chuẩn bị trước mà bước nào dễ HS có thể làm được thì cho làm trước, bước khó thực hiện sau.

Điều chỉnh quang học – thị giác

GV luôn đặc biệt quan tâm đến độ tương phản giữa hình và nền, đường nét và những đặc điểm nổi trội của sự vật;

Sử dụng ánh sáng phù hợp với từng đối tượng HS, với những loại đèn có thể di chuyển được. GV cũng cần lưu ý không cho HS ngồi đối diện với cửa sổ và GV cũng không nên đứng quay lưng lại với nguồn sáng.

Sử dụng kích thước chữ viết và các loại thiết bị phù hợp với đặc điểm thị giác của HS, vì có những HS thuận tiện khi tăng kích thước của nét chữ, nhưng cũng có những HS có thể phù hợp hơn với nét chữ hoặc kích thước nhỏ.

Khoảng cách cũng là một vấn đề cần được điều chỉnh và có những HS phù hợp trong khoảng cách xa, nhưng cũng có HS chỉ phù hợp với khoảng cách rất gần.

Điều chỉnh xúc giác: Sử dụng vật liệu làm nổi phù hợp với xúc giác của HS, không quá cứng (gây cảm giác đau), không quá mềm (làm mất đường nét nổi); kích thước cũng phù hợp với trẻ không vượt quá tầm với của trẻ và phù hợp nhất trong khoảng 2 gang tay của trẻ; độ nháp cũng phải phù hợp và có các mức độ khác nhau để có thể phân biệt các đặc điểm khác nhau. Dù bị KT, HS vẫn ít nhiều còn khả năng nhìn, vì vậy, các đường nét nổi vẫn nên có màu sắc.

2. Tiếp cận một số môn học cơ bản

2.1. Tiếp cận môn tiếng Việt

Mục tiêu đầu tiên và cơ bản của việc dạy môn Tiếng Việt là kĩ năng đọc, viết, nghe nói cho HS. Đối với HS KT, về cơ bản các kĩ năng nghe và nói trẻ không gặp nhiều khó khăn, vì vậy, vận dụng với việc dạy HS KT học hoà nhập thì mục tiêu dạy học đọc, viết là mục tiêu then chốt và vẫn là: dạy các em cách tiếp cận với các kiểu văn bản (chữ in với HS sáng mắt và chữ nổi với HS mù) thường gặp trong đời sống để lĩnh hội được nội dung văn bản, sử dụng những nội dung này để làm giàu vốn tri thức văn hóa, vốn sống của các em. Nói cách khác, dạy kĩ năng đọc, viết là một kĩ năng trong chương trình tiếng Việt ở nhà trường tiểu học, dạy kĩ năng đọc, viết bằng kí hiệu nổi là một nhiệm vụ quan trọng của HS KT ở cấp học này.



Việc dạy kĩ năng đọc, viết ở tiểu học tuy về cơ bản là dạy kĩ năng sống, nó còn đáp ứng một nhiệm vụ nữa là củng cố, hệ thống hóa các tri thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ nghĩa, ngữ pháp, văn bản... mà HS đã được học ở các giờ học về tri thức tiếng Việt. Như vậy, dạy học đọc, viết là một bộ phận của nội dung dạy tiếng Việt với tư cách là một môn học tiếng mẹ đẻ trong trường tiểu học, nên việc dạy học bộ phận này phải thống nhất với mục tiêu chung của môn học và mục tiêu dạy kĩ năng học tập. Việc dạy môn tiếng Việt chính là nhằm:

- Dạy cho HS KT các hành động học để lĩnh hội các văn bản thuộc một số kiểu văn bản phổ biến bằng hệ thống kí hiệu nổi Braille, thường gặp trong đời sống, dạy cho các em sử dụng những điều lĩnh hội được từ các văn bản (nội dung văn bản, đích của văn bản) để làm giàu vốn hiểu biết và kinh nghiệm của mình.

- Thông qua việc dạy cách lĩnh hội văn bản bằng kí hiệu nổi, tập cho HS KT từng bước thành thạo các thao tác tư duy, tăng dần phẩm chất sáng tạo, phê phán của tư duy, từ đó cùng với các môn học khác góp phần dần hình thành năng lực giải quyết vấn đề ở các em.

- Cung cấp cho HS một công cụ đọc, viết chữ nổi và tập cho các em dùng công cụ này để học tập có hiệu quả các môn học khác trong nhà trường.

Chuẩn bị cho việc dạy và học môn tiếng Việt: GV dạy môn tiếng Việt ngoài việc nắm vững kiến thức tiếng Việt, GV phải thông thạo kí hiệu nổi Braille, kĩ năng sử dụng bảng, dùi viết và các các phương pháp hướng dẫn đặc biệt cho HS mù và HS nhìn kém. Ngoài ra GV cũng cần thiết trang bị cho HS KT những kĩ năng tiên quyết cơ bản trước khi tiếp cận chương trình học chung cùng các bạn trong lớp, như: kĩ năng sử dụng bảng, dùi viết, kĩ năng tiến đọc viết, kĩ năng tri giác sờ (khám phá sự vật, sờ đọc chữ nổi...).

Về thiết bị và đồ dùng dạy học: Sách giáo khoa chữ nổi là không thể thiếu trong quá trình học tập; bảng, dùi viết chữ nổi (máy đánh chữ nổi Perkin, computer... nếu có), các loại thẻ chữ nổi có kích cỡ khác nhau, bản đồ, sơ đồ, tranh nổi...

2.2. Tiếp cận môn Toán

Môn Toán là một trong những nội dung chủ chốt của chương trình giáo dục hiện nay. Các nhà

chuyên môn KT cho rằng những lĩnh vực toán học HS KT có thể đạt được thành công tương đương với HS sáng mắt.

Để học toán yêu cầu một cơ sở khái niệm vững chắc, và để có trình độ toán học như các bạn trong lớp, HS KT phải phát triển các khái niệm tới chuẩn mực có thể so sánh được. GV phải có hiểu biết về toán học cơ bản và khi làm việc với HS mù phải có kiến thức vững chắc về những kí hiệu Braille toán học có liên quan (các kí hiệu bằng chữ Braille).

Mặc dù để học toán thì phần trình bày bằng lời là một yếu tố quan trọng, nhưng HS KT cũng phải được trình bày viết (bằng chữ nổi hoặc chữ phổ thông), phải có sách giáo khoa (chữ nổi hoặc chữ to) và các đồ dùng học tập phù hợp với các mức độ KT khác nhau.

Không bao giờ là quá sớm để bắt đầu giới thiệu những ý tưởng về số học. Có thể sử dụng những trò chơi truyền thống và những bài hát thiếu nhi (Xòe bàn tay, đếm ngón tay...) để dạy cho trẻ những khái niệm giống nhau và đếm. Có thể chuẩn bị hoặc tự làm những cuốn sách nổi có những hình học đơn giản cho đến những đồ vật trong cuộc sống hàng ngày. Đó là những kiến thức cơ bản nhất được học sớm nhất và là một phần quan trọng trong quá trình hình thành những khái niệm toán học trong thời kì đầu phát triển.

Đối với những HS phải sử dụng chữ nổi, việc đọc và viết số bằng chữ nổi nên bắt đầu cùng thời gian với các bạn trong lớp. Những mô tả bằng xúc giác (ví dụ như chép lại những số vào bảng chữ nổi, sử dụng những quả bóng bàn trong hộp bìa carton có nhiều ngăn) có thể là một trong những cách để viết trước khi thử viết bằng chữ nổi. Một bộ loto có các số nổi là một cách giới thiệu các con số và so sánh hết sức thú vị giống như một trò giải trí.

Có nhiều sự lựa chọn cho một HS mù khi thao tác với các con số. Sử dụng bảng, dùi Braille là một trong những thiết bị thông dụng nhất. Ngoài ra, HS mù còn có thể sử dụng các loại bàn tính, như: Tay lo, Soloban, các loại thẻ chữ bằng hình nổi. Khi HS chưa có khái niệm đầy đủ và sử dụng thuần thục một số thuật toán cơ bản thì chưa khuyến khích trẻ sử dụng máy tính điện tử hoặc computer.

Một số lưu ý khi dạy học môn Toán: các kiến thức của phần Số học; các kĩ năng làm toán cơ bản (cộng, trừ, nhân chia), nhớ nhanh, chính xác và tính nhẩm nhanh khi xem xét một vấn đề là kĩ năng thiết yếu của HS KT. Những cơ hội tính nhẩm và nhớ các con số là rất quan trọng trong chương trình toán học. Nhận dạng tiền giấy và tiền xu cũng là một nội dung quan trọng trong chương trình môn Toán, tuy nhiên, nội dung này có thể kết hợp với môn Kỹ năng xã hội để dạy trẻ.

Nhiều lĩnh vực trong môn Toán yêu cầu có sự phối hợp giữa tay và mắt, nhìn quét, nhận biết khoảng không và đo lường chính xác, đây sẽ là một thách thức đối với HS KT. Trong những lĩnh vực này làm việc cùng với HS sáng mắt là cần thiết. Cần có thêm thời gian cho trẻ tìm hiểu và tiếp nhận thông tin. Nhưng đôi khi có những nội dung kiến thức mà HS KT không thể tiếp nhận được ngay, khi đó chúng ta sẽ phải chấp nhận thực tế và quay lại bổ sung khi HS KT đã có những kiến thức cơ bản. Về các khái niệm không gian, GV có thể dạy cho HS khoảng cách; phương hướng, tổng thể, sự biến đổi, đồ thị không gian ba chiều phụ thuộc vào các hoạt động cũng như môi trường thực tế (ví dụ như hình dạng của tòa nhà lớn). Những hoạt động này bao gồm việc sử dụng các kĩ năng như: phối hợp tay và mắt (ví dụ cắt, gấp, vẽ hoặc tô lại) và sử dụng những đường kẻ ô để chỉ ra những ảnh hưởng của sự thay đổi, sự phản chiếu, sự quay và mức độ khuếch đại).

Một lĩnh vực khác mà HS KT cũng thường gặp nhiều khó khăn là đo lường và xây dựng đồ thị có những góc đặc biệt cùng với độ chính xác cao. Thông thường thước đo dùng cho xúc giác để đo lường với đường thẳng được tính theo đơn vị nhỏ nhất là cm và với góc là 5° . Vì vậy, yêu cầu HS KT vẽ hình, xây dựng đồ thị cũng phải được điều chỉnh cho phù hợp với khả năng thực tế của từng HS. Trong một số trường hợp cần thiết, chỉ đặt yêu cầu HS xây dựng được những đường nét cơ bản và hiểu bản chất của vấn đề.

Nhằm giúp HS có được những kĩ năng cơ bản của môn Toán, đồng thời không gây áp lực với cả GV và HS, trong quá trình giảng dạy GV nên thường xuyên đặt ra các câu hỏi:

Việc thực hiện kĩ năng này có cần thiết đối với HS

để đạt được sự hiểu biết không cơ bản không?

Bản thân HS có đòi hỏi những kĩ năng liên quan tới kiến thức đang học?

Trên thực tế để dạy những kĩ năng có cần đến các nhà chuyên môn như kiến trúc sư hoặc kĩ sư không?

Tổng số thời gian, cách học và cách hướng dẫn có đảm bảo là điều kiện tốt nhất để thực hiện công việc được giao và có thể hữu ích cho môn Toán?

Việc giảng dạy môn Toán thành công phụ thuộc vào khả năng của GV trong việc phát triển khái niệm và khả năng của HS bằng cách cung cấp những kinh nghiệm cụ thể, tài liệu phù hợp và kĩ thuật giảng dạy. Thực hiện tốt công tác chuẩn bị và thực hiện giảng dạy như trên, HS KT có thể đạt được mức độ thành công tương đương với các bạn cùng lớp và có thể hoàn thành chương trình giáo dục quốc gia.

2.3. Tiếp cận môn Tự nhiên, Xã hội và môn Khoa học

Môn Tự nhiên, Xã hội và môn Khoa học cung cấp các kiến thức, kĩ năng về môi trường thiên nhiên và môi trường xã hội, những kiến thức khoa học cơ bản và mối tương tác của con người với môi trường, và mối tương tác giữa công nghệ và xã hội. Các môn học này cung cấp cho HS KT những biểu tượng, khái niệm và kiến thức cơ bản về môi trường sống của HS mà do giảm thị lực thì HS không tự khám phá được. Vì vậy, đây là những môn học rất quan trọng, đồng thời nếu chúng ta tổ chức các hoạt động học tập phù hợp thì HS KT có thể đạt được các thành công theo ý muốn.

Để HS KT có thể học trong lớp học hòa nhập, thì hầu hết những đồ dùng học tập theo tiêu chuẩn và những phương pháp giảng dạy có thể được áp dụng. Nhiều kiến thức có thể vận dụng và giảng dạy trên hiện trường và bằng các phương pháp thực hành. GV cũng có thể chỉnh sửa cho phù hợp bằng cách thêm phần sử dụng xúc giác hoặc phóng to chữ. Khi dùng các vật liệu nguy hiểm phải thận trọng. HS kiểm thị nên hiểu về các dụng cụ và các khái niệm khoa học mà họ không tiếp xúc được do thị lực kém (ví dụ như kính hiển vi, kính thiên văn, nghiên cứu ánh sáng, bóng râm). HS KT có thể tham gia vào chương trình khoa



học bằng cách sử dụng những hiệu chỉnh, thích nghi và có người lớn giúp đỡ riêng. HS KT có năng khiếu và yêu thích khoa học nên tìm hiểu kĩ và coi đây là một nghề trong tương lai. Các mô hình góp phần khuyến khích HS nghiên cứu khoa học. Sự chọn lựa nghề nghiệp có liên quan bao gồm: lập trình máy tính, nhà toán học, nhà vật lí, GV ...

3. Vận dụng các phương pháp giảng dạy

Mô tả tranh: Những mô tả bằng lời thường rất chi tiết, rõ ràng và cung cấp nhiều thông tin. Các nhà nghiên cứu cho rằng “sự phối hợp lớn nhất của GV là dùng những từ ngữ chính xác để thay thế cho việc trình bày bằng mắt; những từ gợi liên tưởng sẽ thay thế cho những biểu hiện bằng nét mặt và ngôn ngữ cơ thể”. Ví dụ với đề tài “Mùa thu”, GV sẽ mô tả mùa thu với âm thanh, mùi và xúc giác nhiều hơn là dùng màu sắc. Mô tả bằng lời nên được dùng rộng rãi khi mô tả tranh và hoạt động nhóm (ví dụ mô tả trang phục, diễn tả một hành động hoặc mô tả khung cảnh lớp học...).

Sử dụng âm thanh: Nên có sẵn danh mục âm thanh (âm thanh do các đồ vật và hoạt động tương ứng) và tiếng động hỗ trợ cho hoạt động giảng dạy hoặc tìm hiểu những nội dung tương ứng. Âm thanh cũng có thể được sử dụng như một ám hiệu cho HS KT khi tham gia các hoạt động học tập hoặc thực hiện công việc. Ví dụ như tiếng tic tắc của đồng hồ sẽ báo hiệu đó là ngôi nhà và tiếng chim hót sẽ cho biết đó là ngoài vườn.

Sử dụng xúc giác: Sử dụng mô hình, vật thật phù hợp với nội dung học tập để hình thành cho trẻ biểu tượng, khái niệm chính xác về môi trường xung quanh.

Sử dụng thị giác: Đối với HS nhìn kém vẫn cần sử dụng mắt trong các hoạt động học tập. Thị giác sẽ bổ sung những thông tin chính xác cho việc hình thành các biểu tượng của trẻ KT trong các điều kiện khác nhau mà thông tin từ các giác quan khác không thể cung cấp đầy đủ.

4. Giáo dục phát triển năng lực cá nhân, sức khoẻ và thể chất

Giáo dục phát triển năng lực cá nhân, sức khoẻ và thể chất liên quan tới việc tham gia tích cực vào các hoạt động thể chất thông thường, phát triển

lối sống khoẻ mạnh và các kĩ năng trong mối liên hệ giữa các cá nhân với nhau. Ở các cấp học cao hơn (THCS, THPT), giáo dục phát triển năng lực cá nhân, sức khoẻ và thể chất nhằm phát triển tính tự tin và tự chủ. Nó cũng liên quan tới sức khoẻ cá nhân và cộng đồng, phát triển kĩ năng giao tiếp và tham gia vào hoạt động xã hội.

Nhiều HS KT đã đạt được những thành công nhất định về mặt xã hội và học tập trong các trường phổ thông hòa nhập. Tuy nhiên, trong thời gian giáo dục thể chất hoặc các hoạt động thể chất có tính cạnh tranh cao thì HS KT vẫn bị tách biệt hẳn với các bạn trong lớp. Quan sát một nhóm HS chơi bóng rổ hoặc bóng đá, chúng ta dễ dàng nhận thấy vai trò của HS KT rất mờ nhạt, hoặc các em đứng “lặng lẽ” quan sát, hoặc chỉ là người giúp đỡ và “ghi” tỉ số. Hiện nay nhiều trò chơi trong trường chưa phù hợp với HS KT. Ví dụ trò chơi bóng rổ rất khó đối với HS KT, họ không thể xác định vị trí của bóng khi nó bay trong không khí và khi nằm trong tay bạn chơi khác (mặc dù bóng đã có chuông). Không được tham gia trò chơi sẽ ít phát triển thể chất và sự cố gắng ở mỗi HS, có thể HS sẽ mất đi sự phát triển xã hội thông qua mỗi trò chơi cạnh tranh mà đáng lẽ phải được tham gia. Tính tự cố gắng sẽ dần bị mất đi vì các trò chơi đơn giản hoặc ít tính liên nhân, những trò chơi mà HS chỉ việc bắt chước các hành động hoặc thiếu tính cạnh tranh không tạo điều kiện cho HS KT cạnh tranh để phát triển.

Do sự hạn chế của tật thị giác, HS có thể:

Thiếu cơ hội di chuyển tự do và đa dạng

Được chăm sóc quá mức, dẫn tới lối sống ngồi nhiều

Giảm sức sống và sức chịu đựng

Dáng đi và dáng điệu nghèo nàn

Tăng sự căng thẳng và tiêu phí năng lượng

Một số lượng đáng kể HS KT, đặc biệt là những HS sống nội tâm đã có biểu hiện hành vi khác thường, hoặc hệ cơ không linh hoạt. Do đó GV nên phát triển các hoạt động vận động, cảm giác cơ khớp – vận động và phối hợp các giác quan trong hoạt động vận động.

Một số hoạt động giáo dục thể chất có thể không cần điều chỉnh, một số hoạt động khác có thể cần điều chỉnh một hoặc nhiều phần. Những điều chỉnh có thể là:



Thiết bị, đồ dùng - nên sử dụng các thiết bị, đồ dùng phát ra âm thanh;

Thiết lập các nguyên tắc phù hợp với khả năng của HS KT;

Thay đổi cách thức tổ chức và di chuyển (ví dụ như chơi bóng ngoài trời với số lượng người chơi giảm, phạm vi chơi thu nhỏ, không gian không quá ồn ào để trẻ KT có thể nghe thấy tiếng chuông trong báo...);

Có thể bịt mắt một số HS sáng mắt để cùng chơi với bạn KT;

Trang bị trước những kĩ năng tiên quyết trước khi tham gia hoạt động;

Kết quả: không coi trọng kết quả và không đề cao tính cạnh tranh trong quá trình hoạt động.

Như vậy, giáo dục phát triển thể chất cho HS KT có thể diễn ra trong trình giáo dục và cũng có thể kết hợp trong các hoạt động ngoài nhà trường, tại gia đình và cả các hoạt động lao động giản đơn.

5. Một số phương pháp tổ chức hoạt động

Một trò chơi có âm hiệu bằng âm thanh sẽ thuận lợi cho HS KT, đặc biệt là khi tất cả HS sử dụng âm hiệu bằng âm thanh. Lăn một quả bóng có chuông bên trong sẽ tốt hơn là ném vì khi lăn sẽ duy trì được âm thanh của chuông trong bóng phát ra.

Các trò chơi yêu cầu duy trì sự tiếp xúc cơ thể cho phép HS KT nhận thức được vị trí của mình với những người chơi khác. Người chơi cùng và trò chơi vòng tròn duy trì sự tiếp xúc cơ thể. Sự tiếp xúc có thể là tay cầm tay, chân chạm chân, tay bám vào eo, bám vào người khác, vị trí xe cút kít và lưng chạm lưng. Khi những người chơi cùng chơi chung một dụng cụ (ví dụ như dây thừng, cái dù), HS KT có thể định hướng trước.

Giáo dục thể chất là cần thiết cho HS KT vì nó giúp phát triển sự hợp tác, nhận biết cơ thể, nhận thức không gian, sự cân bằng, sự phát triển định hướng và phù hợp. Cùng với sự phát triển những kĩ năng này và tham gia vào các hoạt động nhóm, tính xã hội hoá và sự tự tin cũng được phát triển. Bên cạnh những hoạt động giáo dục thể chất ở trường học, nếu có thể HS cũng có thể tham gia vào các câu lạc bộ thể thao bình thường hoặc các tổ chức thể thao dành cho người khuyết tật.

6. Xây dựng môi trường hoạt động phù hợp

Trong nhiều nghiên cứu đã chứng minh rằng cả môi trường gia đình và nhà trường đều giúp định hình sự phát triển của HS KT. Những ảnh hưởng này cần được tương tác và bổ sung lẫn nhau. Để có được sự cộng tác, GV và phụ huynh cần chia sẻ cách nhìn nhận của họ về HS KT. Mỗi bên đều có những hiểu biết sâu sắc về lĩnh vực của mình quan tâm, và khi trao đổi kiến thức sẽ làm phong phú thêm sự hiểu biết về nhau, do đó sự tương tác phát triển giữa HS và những người lớn trong nhóm sẽ thuận lợi.

7. Kết luận

Mặc dù thị lực bị mất hoàn toàn hoặc suy giảm đáng kể và trẻ KT sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong học tập và phát triển. Tuy nhiên, nếu những nhà giáo dục có được cách tiếp cận và vận dụng các phương pháp giáo dục phù hợp thì HS KT vẫn có cơ hội phát triển và có thể đạt được mức độ phát triển đương các bạn sáng mắt cùng trang lứa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giemxôva M.I, *Những kiến thức về trẻ khiếm thị*, NXB Giáo dục, 1973.
2. Phạm Minh Mục, *"Xây dựng và thống nhất hệ thống Braille Việt Ngữ"*, Đề tài B2001 - 49 - 24, Bộ GD&ĐT, 2004.
3. Phạm Minh Mục (Chủ biên), Lê Thị Thuý Hằng, Lê Sinh Nha, Phạm Toàn, *Giáo dục hòa nhập trẻ khiếm thị cấp tiểu học*, NXB Lao động, 2006.
4. Best A, *Teaching children with visual impairments*, Buckingham, England: Open University, 1995.
5. Bishop, Virginia E, *Teaching visally impaired children*, Illinois USA. 1996.

SUMMARY

Starting from the view that vision-impaired students share many similarities with ordinary students the author look at the curriculum for vision-impaired students in: access to basic subjects (Vietnamese, mathematics, Sciences, Social and Human Studies); teaching methods, personnel capacity, health development; organization and appropriate environment.